

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 668/2024/HC-PT

Ngày: 24/12/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;
Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 591/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 201/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13663/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn VH, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Nguyễn Ngọc Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Ngọc Đ, Đoàn Luật sư thành phố HN; địa chỉ: Số M đường L, phường TQ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân D – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024); (Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HT; địa chỉ: Tiểu khu C, thị

trần HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị K – Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2024); (Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã HG, huyện HT; địa chỉ: Thôn VH, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Hùng X – Chủ tịch (Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lại Thế T, sinh năm 1962; (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1967; (Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông T, bà C cùng địa chỉ: Thôn VX, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Lê Thị H trình bày:

Năm 1996, Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) xã HV (nay là xã HG) giao đất để ở, có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn xã, để dùng tiền xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản của địa phương. Gia đình bà H được UBND xã HV giao 750m² đất tại đường trục thôn VX (nay là đường trục DVT), xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa theo bản đồ địa chính năm 2015, thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 19, gia đình bà H nộp số tiền cho UBND xã HV là 11.000.000 đồng, tại 5 phiếu thu do UBND xã HV cấp, gồm: Phiếu thu số 88 ngày 10/02/1996; Phiếu thu số 124 ngày 12/3/1996; Phiếu thu số 31 ngày 03/3/2001; Phiếu thu ngày 06/01/1998; Phiếu thu ngày 05/7/2000. Gia đình bà H đã xây nhà ở và quản lý, sử dụng ổn định tại thửa đất nêu trên, không tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất với Nhà nước.

Năm 2003, gia đình bà H đã chuyển nhượng một phần diện tích là 180m² đất cho gia đình bà Hoàng Thị C và ông Mai Văn Đ1; vợ chồng bà C, ông Đ1 cũng xây nhà ở, quản lý, sử dụng ổn định.

Ngày 01/3/2023, bà H nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (*viết tắt là VPĐKĐĐ*) huyện HT. Theo giấy hẹn, thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ chậm nhất là ngày 05/4/2023 nhưng đến hạn, Chi nhánh VPĐKĐĐ không trả kết quả cho bà H.

Ngày 31/5/2023, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT ban hành Công văn số 505/CV-CNVPĐKĐĐ về việc “Giải quyết thủ tục hành chính của ông Lại Thế T, bà Lê Thị H” (*viết tắt là Công văn số 505/CV*) với nội dung thông báo trả hồ sơ của gia đình ông T, bà H do việc xác định nguồn gốc và nghĩa vụ tài chính chưa đủ cơ sở để trình UBND huyện HT xem xét công nhận quyền sử dụng đất ở, không công nhận

các phiếu thu tiền của gia đình ông bà đã nộp cho UBND xã HV là hợp lệ. Không đồng ý với nội dung giải quyết nêu tại Công văn trên, bà H khiếu nại đến Giám đốc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT.

Ngày 23/6/2023, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT ban hành Công văn số 646/CV-CNVĐKĐĐ gửi UBND huyện HT đề nghị hướng dẫn chỉ đạo đối với các đơn khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân có đất tại xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, trong đó có hộ gia đình bà H. Ngày 06/7/2023, UBND huyện HT ban hành Công văn số 2184/UBND-TNMT về việc “Chỉ đạo thực hiện nội dung đề nghị của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tại Công văn số 646/CV-CNVĐKĐĐ” (viết tắt là Công văn số 2184/UBND).

Ngày 17/7/2023, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT ban hành Công văn số 730/CV-CNVĐKĐĐ phúc đáp nội dung Đơn khiếu nại của bà Lê Thị H (viết tắt là Công văn số 730/CV) với nội dung Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà H do nội dung khiếu nại của bà H không có cơ sở, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT.

Ngày 01/8/2023, UBND xã HG ban hành Công văn số 218/UBND-ĐC trả lời đơn của bà H với nội dung khiếu nại của bà H không đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét:

- Hủy bỏ Công văn số 2184/UBND của UBND huyện HT;
- Hủy bỏ Công văn số 505/CV và Công văn số 730/CV của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT;
- Hủy bỏ Công văn số 218/UBND của UBND xã HG;
- Xác định và công nhận toàn bộ diện tích đất (theo hiện trạng) gia đình bà đang quản lý, sử dụng tương ứng với diện tích đất vợ chồng bà đã mua của UBND xã HV (cũ) là đất ở;
- Xác định và công nhận gia đình bà đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở;
- Buộc UBND huyện HT thực hiện việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cho gia đình bà;
- Buộc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tiếp nhận lại hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục để trình UBND huyện HT cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà mà không phải nộp tiền sử dụng đất;
- Buộc UBND xã HG thực hiện đầy đủ trách nhiệm công vụ theo quy định pháp luật trong việc hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà.

Người bị kiện là UBND huyện HT trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy Công văn số 2184/UBND của UBND huyện HT: Căn cứ Điều 18, Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp huyện và của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và

cấp tương đương; căn cứ Điều 2 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VPĐKĐĐ, Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện không có nhiệm vụ giải quyết đơn khiếu nại của công dân. Vì vậy, UBND huyện HT ban hành Công văn số 2184/UBND là đúng quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy Công văn số 505/CV và Công văn số 730/CV của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT: Căn cứ khoản 4 Điều 19 Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 22/5/2023; Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 09/6/2023 của UBND xã HG về việc không có cơ sở hoàn thiện hồ sơ, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT ban hành các văn bản thông báo, phúc đáp nội dung khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân tại xã HG là có cơ sở; do đó yêu cầu hủy Công văn số 505/CV và Công văn số 730/CV là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu xác định và công nhận toàn bộ diện tích đất (theo hiện trạng) gia đình bà H đang quản lý, sử dụng tương ứng với diện tích đất vợ chồng bà đã mua của UBND xã HV (cũ) là đất ở: Căn cứ khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đối với thửa đất các hộ gia đình, cá nhân đề nghị công nhận quyền sử dụng đất được xác định như sau:

+ Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức giao đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở;

+ Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở;

+ Trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức giao đất ở thì xem xét công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó;

+ Đối với các hộ nhận chuyển nhượng, nhận tặng một phần diện tích thửa đất thì tổng diện tích công nhận đất ở cho các hộ phải nằm trong hạn mức công nhận theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 được sửa đổi tại Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh TH ngày 04/12/2017 thì hạn mức giao đất ở (từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) như sau:

+ Tối đa 150m²/hộ đối với các vị trí ven đường giao thông, khu vực trung tâm xã, cụm xã thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ, sinh hoạt.

+ Tối đa 200m²/hộ đối với các vị trí còn lại.

Mặt khác, nội dung phiếu thu không thể hiện diện tích, nội dung thu tiền đất ở, đất thổ cư, đất để làm nhà ở.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên và nội dung phiếu thu tiền của hộ

gia đình bà H, yêu cầu xác định và công nhận toàn bộ diện tích đất (theo hiện trạng) gia đình bà H đang quản lý, sử dụng tương ứng với diện tích đất vợ chồng bà đã mua của UBND xã HV (cũ) là đất ở là chưa đủ cơ sở để thực hiện.

- Đối với yêu cầu xác định và công nhận gia đình bà H đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở:

Căn cứ mục 17 Công văn số 9077/UBND-THKH ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh TH về việc trả lời các đề xuất kiến nghị giải quyết khó khăn, vướng mắc của các huyện, thị xã, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm 2021: *“Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì Phiếu thu với nội dung nêu trên không được xem là giấy tờ chứng minh về việc nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất khi xác định tiền sử dụng đất”*.

Theo nội dung Kết luận Thanh tra số 1465/KL-TTr ngày 15/5/2023 của UBND huyện HT về việc giao đất không đúng thẩm quyền tại xã HG, huyện HT; đối với 10 hộ gia đình, cá nhân được UBND xã HV (nay là xã HG), huyện HT: *“Về thực hiện nghĩa vụ tài chính: UBND xã không cung cấp được hồ sơ thu tiền của hộ, không chứng minh được hộ nộp tiền vào ngân sách, hộ có tên trong sổ tay ghi chép danh sách các hộ nộp tiền đất do kế toán lưu và cung cấp (bản phô tô) nhưng không đủ điều kiện để khẳng định hộ đã nộp tiền vào ngân sách, nội dung ghi trên phiếu thu do hộ cung cấp.... chưa đủ cơ sở để xem xét là giấy tờ chứng minh việc hộ đã nộp tiền để được sử dụng đất ở theo quy định”*.

Do đó, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND huyện HT xác định và công nhận gia đình bà đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu buộc UBND huyện HT thực hiện cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ gia đình bà H: Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được UBND xã HV (nay là xã HG) giao đất không đúng thẩm quyền, đang sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch, không tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đầy đủ đúng quy định, thì được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do đó, gia đình bà H đề nghị UBND huyện HT thực hiện cấp GCNQSDĐ lần đầu nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nêu trên là không được chấp nhận.

Người bị kiện là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HT trình bày:

- Đối với yêu cầu huỷ Công văn số 505/CV và Công văn số 730/CV của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT: Nhất trí với trình bày của UBND huyện HT.

- Đối với yêu cầu xác định và công nhận toàn bộ diện tích đất (theo hiện trạng) gia đình bà H đang quản lý, sử dụng thuộc phần diện tích đất vợ chồng bà H đã mua của UBND xã HV (cũ) là đất ở; Xác định và công nhận gia đình bà đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở theo đúng quy định của pháp luật:

Căn cứ Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ của xã HV (nay là xã HG) thể hiện:

+ Theo bản đồ đo đạc năm 1997, tại tờ bản đồ số 5, thửa đất số 290, diện tích: 7356m², loại đất Mn. Hg, chủ sử dụng: UBND xã.

+ Theo bản đồ đo đạc năm 2015: Vị trí thửa đất số 577, tờ bản đồ 19, diện tích 629,6m², chủ sử dụng: Lại Thế T.

Hiện trạng đo đạc ngày 24/7/2022 (tại thời điểm lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ) thửa số 577 có diện tích 632,1m² đất. Diện tích gia đình bà H đề nghị cấp GCNQSDĐ là 301,8m² (không bao gồm diện tích 330,3m² nằm trong quy hoạch đất giao thông theo Thông báo số 95 ngày 07/8/2018 của UBND huyện HT).

- Nguồn gốc đất, nội dung thu tiền: Được UBND xã HV giao đất không đúng thẩm quyền cho ông Lại Thế T thể hiện qua 05 phiếu thu, gồm: Phiếu thu số 31 ngày 03/3/2001, số tiền 1.000.000 đồng, nội dung thu: Thu sản ủng vùng khu vực đường trục; Phiếu thu ngày 05/7/2000, số tiền 2.500.000 đồng, nội dung thu: Thu sản ủng vùng khu vực đường trục; Phiếu thu ngày 06/01/1998, số tiền 2.500.000 đồng, nội dung thu: Sản thầu thu nợ năm 1995; Phiếu thu số 124 ngày 12/3/1996, số tiền 3.000.000 đồng, nội dung thu: Đất thầu dịch vụ thu một lần đóng góp XDCEB; Phiếu thu số 88 ngày 10/02/1996, số tiền 2.000.000 đồng, nội dung thu: Đất thầu dịch vụ thu một lần đóng góp XDCEB.

Các Phiếu thu nêu trên không thể hiện diện tích, vị trí giao, nội dung thu tiền để sử dụng vào mục đích đất ở đã được quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, các Công văn của UBND tỉnh, các Sở ngành đã được chỉ ra tại Công văn số 505/CV-CNVĐKĐĐ ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện HT.

+ Về hạn mức: Hạn mức xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức quy định của UBND tỉnh là 150m²/hộ, diện tích còn lại xác định theo hiện trạng các hộ đang sử dụng, phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Về quy hoạch: Theo Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, toàn bộ diện tích thửa đất theo hiện trạng nằm trong quy hoạch đất giao thông (có bản đồ đạc hiện trạng kèm theo Quyết định).

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H là chưa có cơ sở; đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 20 và Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, Công văn của UBND tỉnh TH, các Sở ngành đã được nêu tại Công văn số 505/CV-VPĐKĐĐ ngày 31/5/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT, Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 được sửa đổi tại Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh TH không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Đối với yêu cầu buộc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tiếp nhận lại hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục đề trình UBND huyện HT cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân mà không phải nộp tiền sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 4481/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa

đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh VPĐKĐĐ trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh TH về việc Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh VPĐKĐĐ); căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định hiện hành, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện HT chỉ tiếp nhận lại hồ sơ khi đã đầy đủ hợp lệ, (trong đó đã có kết quả xét duyệt nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch..., của UBND xã HG và các hộ gia đình, cá nhân chấp hành theo quy định của pháp luật) hoặc chỉ tiếp nhận lại hồ sơ theo bản án của Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền đã có hiệu lực thi hành. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Người bị kiện là UBND xã HG trình bày: UBND xã HG nhất trí với trình bày của UBND huyện HT và Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lại Thế T, bà Hoàng Thị C trình bày: Nhất trí với trình bày của bà Lê Thị H.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2024 thể hiện: Tổng diện tích hiện trạng thửa đất số 577, tờ bản đồ số 19 (Bản đồ địa chính năm 2015), gia đình bà Lê Thị H đang sử dụng là 648,8m² (đất ONT); tứ cận: phía Tây giáp nhà ông K (23,85m), phía Đông giáp nhà bà Hoàng Thị C dài (23,48m), phía Nam giáp đường trục DVT (27,4m), phía Bắc giáp nương (27,42m). Ngoài ra, về tài sản trên đất có nhà ở, công trình trên đất và cây trồng trên đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 201/2024/HC-ST ngày 23/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 3, Điều 23 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 693 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 20; khoản 1, 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 7 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 được sửa đổi tại Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh TH; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với:

- Yêu cầu Hủy bỏ Công văn số 2184/UBND-TNMT ngày 06/7/2023 của UBND huyện HT về việc “Chỉ đạo thực hiện nội dung đề nghị của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tại Công văn số 646/CV-CNVPĐKĐĐ, ngày 23/6/2023”;

- Yêu cầu Hủy bỏ Công văn số 505/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 31/5/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT về việc “Giải quyết thủ tục hành chính của ông Lại Thế T, bà Lê Thị H, địa chỉ: thôn VX, xã HG, huyện HT”;

- Yêu cầu Hủy bỏ Công văn số 730/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 17/7/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT về việc “Phúc đáp nội dung đơn khiếu nại của bà Lê Thị H tại thôn VX, xã HG, huyện HT”;

- Yêu cầu Hủy bỏ Công văn số 218/UBND-ĐC ngày 01/8/2023 của UBND xã HG “Về nội dung khiếu nại của bà Lê Thị H, địa chỉ thôn VX, xã HG”.

- Xác định và công nhận toàn bộ diện tích đất (theo hiện trạng hiện nay) gia đình bà đang quản lý, sử dụng tương ứng với diện tích đất vợ chồng bà đã mua của UBND xã HV (cũ) là đất ở.

- Xác định và công nhận gia đình bà đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc UBND huyện HT thực hiện việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cho gia đình bà theo đúng quy định.

- Buộc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tiếp nhận lại hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục để trình UBND huyện HT cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà mà không phải nộp tiền sử dụng đất.

- Buộc UBND xã HG thực hiện đầy đủ trách nhiệm công vụ theo quy định pháp luật trong việc hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2024, bà Lê Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Người bị kiện vắng mặt và có văn bản trình bày giữ nguyên nội dung trình bày ở cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày:

Năm 2017, bà H nộp hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, UBND xã HG và UBND huyện HT giải thích không đúng nên bà H không có ý kiến về hạn mức đất ở. Tuy nhiên, bà H không đồng ý việc UBND huyện HT cấp cho bà H diện tích đất bằng hạn mức đất ở mà phải cấp cho bà H diện tích đất tương ứng với diện tích đất nhà xây vì thời điểm mua đất, số tiền bà H nộp cho UBND xã HG cao hơn giá đất lúc đó. Xét các phiếu thu điều hợp lệ; hiện UBND huyện HT quy hoạch toàn bộ diện tích đất của bà H là đất hành lang giao thông, tuy nhiên đây không phải căn cứ để không cấp GCNQSDĐ. Do đó, việc UBND huyện HT trả hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà H là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Lê Thị H trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 201/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Ngày 29/8/2024, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 201/2024/HC-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; bà H thuộc trường hợp miễn án phí do người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, kháng cáo của bà Lê Thị H được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND huyện HT (ông Nguyễn Xuân D); Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT (bà Lê Thị K); UBND xã HG, huyện HT (ông Vũ Hùng X); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị C đều vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người khởi kiện là bà Lê Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên. Xét các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét Công văn số 2184/UBND-TNMT ngày 06/7/2023 của UBND huyện HT là văn bản hướng dẫn trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ giữa UBND huyện HT và Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT không phải là khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Xét Công văn số 505/CV; Công văn số 730/CV; Công văn số 218/UBND, các yêu cầu buộc UBND huyện HT thực hiện việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cho gia đình bà H theo đúng quy định; buộc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT tiếp nhận lại hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục để trình UBND huyện HT cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà H mà không phải nộp tiền sử dụng đất; buộc UBND xã HG thực hiện đầy đủ trách nhiệm công vụ theo quy định pháp luật trong việc hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà H là hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người

khởi kiện. Do đó, ngày 23/10/2023 bà H khởi kiện vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị H:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Thửa đất hộ bà H đang sử dụng có nguồn gốc đất xã HV (cũ) giao không đúng thẩm quyền cho hộ bà H từ năm 1996.

- Về hồ sơ, bản đồ địa chính qua các thời kỳ:

+ Theo bản đồ đo đạc năm 1997, tờ bản đồ số 5, thửa đất số 290, diện tích: 7356m², loại đất Mn. Hg, chủ sử dụng: UBND xã.

+ Theo bản đồ đo đạc năm 2015: Vị trí thửa đất số 577, tờ bản đồ số 19, diện tích 629,6m², chủ sử dụng: Lại Thế T.

- Hiện trạng sử dụng đất, sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất: Thửa đất số 577, tờ bản đồ số 19 (bản đồ đo đạc năm 2015), diện tích 629,6m² (theo kết quả thẩm định của Tòa án là 648,8m²), chủ sử dụng đất: Bà Lê Thị H, trên đất có công trình xây dựng nhà ở kiên cố, sử dụng vào mục đích ở (BL182 – BL185).

+ Căn cứ Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh TH về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ năm 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện HT; Công văn số 603/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 03/7/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT và Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 23/7/2024 của UBND xã HG thì toàn bộ diện tích đất hộ bà Lê Thị H đang sử dụng nằm trong quy hoạch đất giao thông.

Như vậy, hộ bà Lê Thị H được UBND xã HV (nay là xã HG) giao đất không đúng thẩm quyền, không có tranh chấp nhưng được xem xét cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về trình tự xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà Lê Thị H:

[2.2.1] Thửa đất số 577, tờ bản đồ số 19 (Bản đồ địa chính năm 2015), bà Lê Thị H đã nộp hồ sơ đề nghị UBND huyện HT cấp GCNQSDĐ công nhận toàn bộ diện tích đất bà H đã mua của UBND xã HV là đất ở, vì bà đã được UBND xã HV giao đất và bà đã nộp đủ tiền sử dụng đất.

[2.2.2] Sau khi tiếp nhận, xử lý hồ sơ của bà Lê Thị H, xét UBND xã HG chưa xét duyệt nguồn gốc, tình trạng sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, chưa đủ cơ sở để Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà H nên Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT ban hành Công văn số 505/CV chuyển hồ sơ của bà Lê Thị H đến UBND xã HG để xét duyệt hồ sơ theo quy định của Luật Đất đai là đúng quy định.

[2.2.3] Đối với các phiếu thu tiền (bản phô tô chứng thực) do bà H cung cấp, gồm: Phiếu thu số 31 ngày 03/3/2001, số tiền 1.000.000 đồng, nội dung thu

sản ủng vũng khu vực đường trục; Phiếu thu ngày 05/7/2000, số tiền 2.500.000 đồng, nội dung thu sản ủng vũng khu vực đường trục; Phiếu thu ngày 06/01/1998, số tiền 2.500.000 đồng, nội dung thu sản thầu thu nợ năm 1995; Phiếu thu số 124 ngày 12/3/1996, số tiền 3.000.000 đồng, nội dung thu đất thầu dịch vụ thu một lần đóng góp XDCH; Phiếu thu số 88 ngày 10/02/1996, số tiền 2.000.000 đồng, nội dung thu đất thầu dịch vụ thu một lần đóng góp XDCH. Nội dung các Phiếu thu do bà H giao nộp không thể hiện diện tích, nội dung thu tiền đất ở, đất thổ cư, đất để làm nhà ở. Không có phiếu thu nào thể hiện việc thu tiền đối với diện tích đất ở. Căn cứ Điều 7 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Công văn số 9077/UBND-THKH ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh TH; Công văn số 6953/CT-HKDCN ngày 04/11/2021 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 6978/STC-QLCS.GC ngày 11/11/2021 của Sở Tài chính và Văn bản số 5799/STNMT-TTr ngày 15/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường thì nội dung tại phiếu thu tiền của bà Lê Thị H giao nộp chưa đủ cơ sở để xác định là giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất theo quy định. Do đó, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT xác định chưa có cơ sở để công nhận gia đình bà H đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất ở theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để xem xét cấp GCNQSDĐ của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, sau khi bà Lê Thị H khiếu nại việc trả lại hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của cơ quan có thẩm quyền, UBND xã HG đã làm việc với gia đình bà H để hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định. Tuy nhiên bà H không thực hiện mà khởi kiện tại Tòa án. Theo quy định của pháp luật đất đai, trường hợp hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của bà H đầy đủ, đảm bảo đúng quy định thì sẽ được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục. Do đó, yêu cầu khởi kiện trên của bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích, đánh giá trên, đủ cơ sở xác định việc xem xét, xử lý hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cũng như giải quyết khiếu nại của UBND huyện HT, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện HT, UBND xã HG cho hộ gia đình bà Lê Thị H là đúng quy định pháp luật.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị H không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Mặc dù kháng cáo của bà Lê Thị H không được chấp nhận nhưng do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Lê Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 201/2024/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị H.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm